TỔ CÔNG TÁC ĐẤU GIÁ QUYỀN SD ĐẤT TP. QUY NHƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09/TB-TCTĐG	*Quy Nhơn, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

THÔNG BÁO
Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và các thủ tục có liên quan

Kính gửi: Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 5396/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc Phê duyệt và điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư do thành phố quản lý;

Căn cứ Thông báo số 443/TB-UBND ngày 16/6/2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá;

Tổ công tác đấu giá quyền sử dụng đất thành phố Quy Nhơn đề nghị Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định thực hiện các thủ tục cần thiết để ký Hợp đồng tổ chức đấu giá QSD đất, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất sớm nhất trong năm 2023 (có thể) theo đúng quy định hiện hành các lô đất sau:

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	**Khu DVTM 07, 08 thuộc khu dân cư tại dải cây xanh cách ly Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình**			**2.875.000.000**	
+	**Đường số 2, lộ giới 19m**			**2.875.000.000**	
1	Lô D6	115,00	25.000.000	2.875.000.000	
II	**HTKT khu tái định cư phục vụ khu Công nghiệp Long Mỹ, xã Phước Mỹ**			**12.300.000.000**	
+	**Đường ĐS11, khu G, lộ giới 12m**			**12.300.000.000**	
1	Lô 23	200,00	4.100.000	820.000.000	

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Lô 24	200,00	4.100.000	820.000.000	
3	Lô 25	200,00	4.100.000	820.000.000	
4	Lô 26	200,00	4.100.000	820.000.000	
5	Lô 27	200,00	4.100.000	820.000.000	
6	Lô 28	200,00	4.100.000	820.000.000	
7	Lô 29	200,00	4.100.000	820.000.000	
8	Lô 30	200,00	4.100.000	820.000.000	
9	Lô 31	200,00	4.100.000	820.000.000	
10	Lô 32	200,00	4.100.000	820.000.000	
11	Lô 33	200,00	4.100.000	820.000.000	
12	Lô 34	200,00	4.100.000	820.000.000	
13	Lô 35	200,00	4.100.000	820.000.000	
14	Lô 36	200,00	4.100.000	820.000.000	
15	Lô 37	200,00	4.100.000	820.000.000	
III	**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đường vào trạm y tế xã Phước Mỹ**			**15.562.500.000**	
+	**Đường ĐS 15, lộ giới 22, khu N17**			**15.562.500.000**	
1	Lô 02	112,50	7.500.000	843.750.000	
2	Lô 03	112,50	7.500.000	843.750.000	
3	Lô 04	112,50	7.500.000	843.750.000	
4	Lô 05	112,50	7.500.000	843.750.000	
5	Lô 06	125,00	7.500.000	937.500.000	
6	Lô 07	125,00	7.500.000	937.500.000	
7	Lô 08	125,00	7.500.000	937.500.000	
8	Lô 09	125,00	7.500.000	937.500.000	
9	Lô 10	125,00	7.500.000	937.500.000	
10	Lô 11	125,00	7.500.000	937.500.000	
11	Lô 12	125,00	7.500.000	937.500.000	
12	Lô 13	125,00	7.500.000	937.500.000	
13	Lô 14	125,00	7.500.000	937.500.000	
14	Lô 15	125,00	7.500.000	937.500.000	
15	Lô 16	125,00	7.500.000	937.500.000	

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
16	Lô 17	125,00	7.500.000	937.500.000	
17	Lô 18	125,00	7.500.000	937.500.000	
IV	**Khu dân cư khu vực 8, phường Trần Quang Diệu**			**41.843.130.000**	
+	**Đường ĐS4, khu A7, lộ giới 10m**			**6.423.670.000**	
1	Lô 24	125,10	11.000.000	1.376.100.000	
2	Lô 25	121,00	11.000.000	1.331.000.000	
3	Lô 26	116,80	11.000.000	1.284.800.000	
4	Lô 27	112,60	11.000.000	1.238.600.000	
5	Lô 28	108,47	11.000.000	1.193.170.000	
+	**Đường ĐS 5, lộ giới 13m - Đường ĐS 6, lộ giới 12m, khu A6**			**1.686.720.000**	
6	Lô 01	100,40	16.800.000	1.686.720.000	Lô góc
+	**Đường ĐS 5, lộ giới 13m - Đường ĐS 7, lộ giới 13m, khu A6**			**1.716.960.000**	
7	Lô 36	102,20	16.800.000	1.716.960.000	Lô góc
+	**Đường ĐS5, lộ giới 13m - Đường ĐS 7, lộ giới 13m, khu A7**			**1.898.400.000**	
8	Lô 01	113,00	16.800.000	1.898.400.000	Lô góc
+	**Đường ĐS6, khu A5, lộ giới 12m**			**10.316.900.000**	
9	Lô 01	137,40	11.000.000	1.511.400.000	
10	Lô 02	134,40	11.000.000	1.478.400.000	
11	Lô 04	129,70	11.000.000	1.426.700.000	
12	Lô 05	128,30	11.000.000	1.411.300.000	
13	Lô 06	138,70	11.000.000	1.525.700.000	
14	Lô 07	136,00	11.000.000	1.496.000.000	
15	Lô 08	133,40	11.000.000	1.467.400.000	
+	**Đường ĐS 6, lộ giới 12m - Đường ĐS 8, lộ giới 13m, khu A6**			**1.686.720.000**	
16	Lô 18	100,40	16.800.000	1.686.720.000	Lô góc
+	**Đường ĐS7, khu A7, lộ giới 13m**			**4.200.000.000**	
17	Lô 07	75,00	14.000.000	1.050.000.000	

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
18	Lô 12	75,00	14.000.000	1.050.000.000	
19	Lô 13	75,00	14.000.000	1.050.000.000	
20	Lô 15	75,00	14.000.000	1.050.000.000	
+	**Đường ĐS 7, lộ giới 13m - Đường ĐS 8, lộ giới 13m, khu A6**			**1.716.960.000**	
21	Lô 19	102,20	16.800.000	1.716.960.000	Lô góc
+	**Đường ĐS7, lộ giới 13m - Đường ĐS 8, lộ giới 13m, khu A7**			**1.789.200.000**	
22	Lô 16	106,50	16.800.000	1.789.200.000	Lô góc
+	**Đường ĐS 8, lộ giới 13m, khu A7**			**8.400.000.000**	
23	Lô 17	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
24	Lô 18	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
25	Lô 19	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
26	Lô 20	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
27	Lô 21	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
28	Lô 22	100,00	14.000.000	1.400.000.000	
+	**Đường ĐS8, lộ giới 13m - Đường ĐS 4, lộ giới 10m, khu A7**			**2.007.600.000**	
29	Lô 23	119,50	16.800.000	2.007.600.000	Lô góc
V	**Khu dân cư phía Đông Viện sốt rét Ký sinh trùng – Côn trùng, phường Nhơn Phú**			**8.428.600.000**	
+	**Đường Đ6, lộ giới 20m – khu B**			**8.428.600.000**	
1	Lô 04	118,70	17.000.000	2.017.900.000	
2	Lô 05	127,00	17.000.000	2.159.000.000	
3	Lô 04	123,70	17.000.000	2.102.900.000	
4	Lô 05	126,40	17.000.000	2.148.800.000	
VI	**Khu QHDC khu vực 4 và 5, phường Nhơn Phú**			**2.538.120.000**	
+	**Đường D1, lộ giới 17m - Đường quy hoạch, lộ giới 13m**			**2.538.120.000**	
1	Lô 01	162,70	15.600.000	2.538.120.000	Lô góc

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
Tổng cộng	**67**	**9.014,57**		**83.547.350.000**	

(*Có sơ đồ kèm theo*)

Tổ công tác đấu giá quyền sử dụng đất thành phố Quy Nhơn đề nghị Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tài chính BĐ (b/cáo);
- Sở Tư pháp BĐ (b/cáo);
- UBND TP (b/cáo);
- Phòng TC-KH TP;
- Phòng QLĐT TP;
- Ban QLDA ĐTXD và PT quỹ đất TP;
- Lưu: VT.

T/M Tổ công tác đấu giá QSD đất
TP. Quy Nhơn

CỘNG HOÀ X H C N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH
TP QUY NHƠN T BÌNH ĐỊNH

Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch TP
Phạm Thị Kim Loan